

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỬ NHÂN SƯ PHẠM NGỮ VĂN

### I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm (CNSP) Ngữ văn được phát triển theo chủ trương chung của Trường ĐHSP Hà Nội 2: xây dựng những Chương trình đào tạo Đại học có chất lượng tiên tiến, bám sát yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông trong nước và xu thế giáo dục ở các quốc gia phát triển, góp phần vào việc xây dựng trường ĐHSP Hà Nội 2 thành trường ĐHSP chủ chốt quốc gia.

Chương trình đào tạo CNSP Ngữ văn được phát triển để đón đầu xu thế đổi mới giáo dục hiện đại theo tiếp cận năng lực nói chung và đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn nói riêng. Chương trình cũng được điều chỉnh, cải tiến để đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên trung học (2009) và Chuẩn đầu ra trình độ Đại học khối ngành sư phạm đào tạo GV THPT(2012).

Chương trình được phát triển trên cơ sở những thành tựu của khoa học giáo dục, nhất là khoa học phát triển chương trình. Chương trình cũng cập nhật những kết quả nghiên cứu mới của khoa học ngôn ngữ, văn học, tâm lí học và lí luận dạy học.

Chương trình là cơ sở để biên soạn giáo trình, bài giảng, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.

Chương trình được tổ chức giảng dạy bằng tiếng Việt.

Chương trình có tính liên thông với Chương trình đào tạo các ngành Cử nhân Văn học và Việt Nam học; thống nhất với Chương trình đào tạo cử nhân hệ vừa làm vừa học đồng thời có tính tiếp nối với các chương trình đào tạo Thạc sĩ: Lí luận văn học, Văn học Việt Nam và Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

Chương trình là văn bản có giá trị pháp lí của Trường ĐHSP Hà Nội 2, là công cụ quản lí quá trình đào tạo CNSP Ngữ văn trình độ Đại học.

#### 2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Ngữ văn
Tên chương trình (tiếng Anh)	Philology Education
Mã ngành đào tạo	D140217

Sau khi kết thúc khóa đào tạo, SV đạt được:

**M1.** Phẩm chất chính trị, đạo đức công dân; phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong căn bản của nhà giáo

**M2.** Hệ thống kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật Việt Nam, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất

**M3.** Những yêu cầu về năng lực công nghệ thông tin và ngoại ngữ theo quy định

**M4.** Hệ thống tri thức liên ngành, cơ sở ngành và khả năng vận dụng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ

**M5.** Hệ thống kiến thức, kỹ năng chuyên môn về các lĩnh vực ngôn ngữ, văn học và khả năng vận dụng vào nghiên cứu, giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông

**M6.** Hệ thống kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm và khả năng vận dụng vào thực hành nghề và thực tiễn nghề dạy học ở trường trung học.

**M7.** Kỹ năng hoạt động xã hội và kỹ năng phát triển nghề nghiệp.

#### **4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

##### **4.1. Yêu cầu về kiến thức**

**C1. Kiến thức chung:** Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật Việt Nam, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất và vận dụng được vào các hoạt động giáo dục và dạy học Ngữ văn ở trường trung học.

**C2. Kiến thức liên ngành:** Nắm vững những kiến thức liên ngành cơ bản về lịch sử, giáo dục công dân, văn hóa xã hội,... và vận dụng được vào quá trình học tập và giảng dạy Ngữ văn ở trường trung học.

**C3. Kiến thức chuyên ngành:** Nắm vững hệ thống kiến thức chuyên ngành Ngữ văn và vận dụng được vào giảng dạy, nghiên cứu Ngữ văn ở trường trung học.

**C4. Kiến thức nghiệp vụ:** Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học giáo dục nói chung, phương pháp dạy học Ngữ văn nói riêng; vận dụng được vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của giáo dục nhà trường và giáo dục Ngữ văn trong trường trung học.

**C5. Kiến thức bổ trợ:** Đạt trình độ tin học cơ bản và trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

##### **2. Yêu cầu về kỹ năng**

**C6.** Có kỹ năng sư phạm nền tảng của người GV ở trường trung học: tìm hiểu người học, môi trường giáo dục; chủ nhiệm lớp, công tác đoàn, tổ chức hoạt động tập thể cho học sinh; thiết kế, tổ chức dạy học; kiểm tra và đánh giá kết quả học tập; phát triển chương trình; có kỹ năng giao tiếp để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục; tự bồi dưỡng

nâng cao chuyên môn nghiệp vụ...

**C7.** Có kỹ năng đặc thù của người giáo viên Ngữ văn: thiết kế, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông; nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ và văn học gắn liền với công việc dạy học Ngữ văn.

**C8.** Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp cơ bản, đọc hiểu được các tài liệu chuyên ngành Ngữ văn ở mức độ phù hợp.

**C9.** Ứng dụng được công nghệ thông tin vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học chuyên ngành Ngữ văn.

### **3. Yêu cầu về thái độ**

**C10.** Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành Giáo dục. Trân trọng, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

**C11.** Thể hiện các chuẩn mực đạo đức của nghề dạy học, phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo, tác phong sư phạm mẫu mực. Tôn trọng, hợp tác với đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội để kiến tạo cộng đồng học tập, xây dựng nhà trường văn hóa. Có ý thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả giáo dục và dạy học.

### **5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
M1	X									X	X
M2	X										
M3					X			X	X		
M4		X									
M5			X				X				
M6				X		X	X				X
M7						X	X				X

### **6. Phương pháp/chiến lược dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá**

#### **6.1. Phương pháp/chiến lược dạy - học phát triển năng lực người học**

##### **6.1.1. Quan niệm về dạy học phát triển năng lực người học**

Dạy học theo hướng phát triển năng lực người học yêu cầu giảng viên cần chú trọng sử